

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của
Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005; Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2008 của Liên Bộ: Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ về việc: “Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 về việc: “Thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa”; Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 17/4/2012 về việc: “Bổ nhiệm Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa”; Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 11/05/2012 về việc: “Ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa”; Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 về việc: “Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 08/QBVMT-HĐQLQ ngày 27/3/2013 về việc: “Đề nghị phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa”, ý kiến tham gia của Sở tài chính Thanh Hóa tại Công văn số 3706/STC-QLNS.TTK ngày 20/11/2012 và ý kiến thẩm định văn bản của Sở Tư pháp Thanh Hóa tại Công văn số 58/STP-XDVB ngày 17/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa”.

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này và định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn201374 (100).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

QUY CHẾ
Quản lý Tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường
tỉnh Thanh Hóa.

*(Kèm theo Quyết định số: 1642/2013/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 của
UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

Quy chế này áp dụng cho Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa (Sau đây viết tắt là Quỹ BVMT).

Điều 2. Hình thức và nguyên tắc hoạt động.

1. Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa được ngân sách Nhà nước cấp vốn điều lệ, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn khác. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp một phần chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, được sử dụng các khoản thu nhập để trang trải các chi phí trong quá trình hoạt động; được phân phối chênh lệch thu chi tài chính theo quy định tại Quy chế này.

3. Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Sở Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, hướng dẫn, kiểm tra và phê duyệt quyết toán hoạt động thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa.

Chương II
NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Vốn hoạt động.

Vốn hoạt động của Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa gồm:

1. Vốn điều lệ.
 - 20,0 tỷ đồng (Hai mươi tỷ đồng) do ngân sách tỉnh cấp ngay sau khi thành lập.
 - Hàng năm, ngân sách nhà nước cấp bổ sung từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp môi trường để bù đắp kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ

môi trường nhằm bảo đảm vốn hoạt động của Quỹ từ nguồn ngân sách duy trì thường xuyên, ít nhất bằng 20,0 (Hai mươi) tỷ đồng.

- Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ BVMT do UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định.

2. Vốn hoạt động bổ sung từ ngân sách.

Ngoài vốn điều lệ Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa được tiếp nhận các nguồn vốn hoạt động bổ sung hàng năm gồm:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

- Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Các khoản tiền bồi thường thiệt hại về môi trường của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách Nhà nước theo Quy định hiện hành của Pháp luật.

- Nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

3. Các nguồn vốn khác.

- Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ cho Quỹ BVMT của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Vốn nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng vốn.

Việc sử dụng các nguồn vốn của Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Bảo toàn vốn Điều lệ, không vì mục đích lợi nhuận.

2. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và phát triển vốn.

3. Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả kinh tế, môi trường.

4. Thu hồi kịp thời vốn gốc và lãi để đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí.

5. Đáp ứng yêu cầu thanh toán thường xuyên của Quỹ.

Chương III NỘI DUNG SỬ DỤNG VỐN

Điều 5. Cho vay với lãi suất ưu đãi.

1. Đối tượng được hỗ trợ tài chính từ Quỹ BVMT được quy định tại khoản 1, Điều 8 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ và đáp ứng được nội dung của Quy định ban hành theo Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 08/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các chương trình, dự án đầu tư cho lĩnh vực bảo vệ môi trường được hỗ trợ tài chính giai đoạn 2013-2015 và đến năm 2020 từ Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

2. Quỹ BVMT cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

3. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, việc giám sát quá trình vay vốn, trả nợ, gia hạn vay, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định.

4. Mức vốn cho vay và thẩm quyền cho vay.

- Mức vốn cho vay của một dự án không vượt quá 70,0% tổng mức đầu tư của dự án và không quá 01 tỷ đồng (Một tỷ đồng).

- Lãi suất cho vay do Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể trong từng thời kỳ và cho từng nhóm đối tượng. Lãi suất cho vay tối đa không vượt quá 50,0% (Năm mươi phần trăm) lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng thời kỳ và không thấp hơn 1/3 (Một phần ba) lãi suất cơ bản.

- Trường hợp đối tượng vay vốn vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng vay vốn, trả nợ không đúng hạn, đối tượng vay vốn phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150,0% lãi suất (Một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp phát hiện các Chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng mục đích Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa có quyền rút vốn vay, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay đối với Chủ đầu tư. Nếu việc sử dụng vốn có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì Quỹ sẽ tiến hành khởi kiện theo quy định.

- Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức vốn cho vay trong từng thời kỳ đối với từng nhóm đối tượng vay và Giám đốc Quỹ quyết định. Với mức vay trên 0,5 tỷ đồng (Năm trăm triệu đồng) trở lên Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

- Thời hạn vay vốn được xác định phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng đối tượng vay vốn và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa không quá 3 năm (Ba năm) kể cả thời gian gia hạn (Thời gian gia hạn tối đa là 3 tháng).

5. Bảo đảm tiền vay.

- Quỹ BVMT cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố, thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba hoặc dùng tài sản là các giấy tờ có giá như: Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu của các ngân hàng thương mại Nhà nước, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vv... để bảo đảm tiền vay. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

- Trường hợp đặc biệt, việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đối với từng chương trình, dự án do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định sau khi đã có ý kiến kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 6. Hỗ trợ lãi suất vay vốn.

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn là các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư về lĩnh vực bảo vệ môi trường hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác.

2. Nguyên tắc xác định và cấp hỗ trợ lãi suất:

- Chủ đầu tư các dự án bảo vệ môi trường chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất đối với số vốn vay đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong phạm vi tổng mức đầu tư của

dự án vào lĩnh vực môi trường. Chủ đầu tư không được hỗ trợ lãi suất đối với các khoản nợ quá hạn.

- Chỉ hỗ trợ lãi suất khi dự án đầu tư vào lĩnh vực môi trường đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và hoàn trả được vốn vay cho các tổ chức tín dụng.

- Dự án được cơ quan nhà nước về môi trường Trung ương hoặc tỉnh Thanh Hóa xác nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết được vấn đề về môi trường.

- Mức hỗ trợ lãi suất do Hội đồng quản lý Quỹ quy định, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay ưu đãi tại thời điểm ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Xác định mức hỗ trợ lãi suất.

$$\begin{array}{l} \text{Mức hỗ trợ lãi suất} = \text{Số nợ gốc được hỗ trợ lãi suất} \times \text{Tỷ lệ (\%) mức hỗ trợ lãi suất được HĐQT Quỹ phê duyệt} \times \text{Thời hạn thực vay tính theo năm đối với số nợ gốc được hỗ trợ lãi suất} \end{array}$$

3. Lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất.

- Hàng năm căn cứ vào kế hoạch bổ sung vốn ngân sách nhà nước chi cho Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định kế hoạch hỗ trợ cho các đối tượng, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xin chỉ đạo trước khi thực hiện.

- Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất vay không vượt quá 20,0% (Hai mươi phần trăm) vốn bổ sung hàng năm của Quỹ (Không kể vốn điều lệ).

Kế hoạch hỗ trợ lãi suất hàng năm phải được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và báo cáo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Trường hợp phát hiện các Chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng mục đích Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa có quyền rút vốn vay, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay đối với Chủ đầu tư. Nếu việc sử dụng vốn có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì Quỹ sẽ tiến hành khởi kiện theo quy định.

Điều 7. Tài trợ và đồng tài trợ.

1. Nguyên tắc tài trợ.

- Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa thực hiện việc tài trợ và đồng tài trợ cho các đối tượng theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa.

- Mức tài trợ của Quỹ.

- + Đối với các chương trình, dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt không quá 2,0 tỷ đồng (Hai tỷ) thì mức hỗ trợ tối đa bằng 50,0% tổng mức đầu tư của chương trình, dự án đó.

- + Đối với các chương trình, dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt lớn hơn 2,0 tỷ đồng (Hai tỷ) thì mức hỗ trợ phải phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ cho phép và do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ BVMT quyết định sau khi xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Giám đốc Quỹ đề nghị mức tài trợ đối với từng chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

2. Lập kế hoạch tài trợ.

- Hàng năm, căn cứ kế hoạch vốn bổ sung và nhu cầu tài trợ của các đối tượng, Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa lập kế hoạch tài trợ cho các đối tượng theo quy định.

- Tổng số tiền tài trợ hàng năm không vượt quá 50,0% (Năm mươi phần trăm) vốn bổ sung hàng năm của Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa.

Kế hoạch tài trợ hàng năm phải được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt sau khi có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh và báo cáo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp phát hiện các Chủ đầu tư sử dụng vốn tài trợ không đúng mục đích thì Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa có quyền thu hồi vốn tài trợ hoặc đồng tài trợ đối với Chủ đầu tư. Nếu việc sử dụng vốn có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì Quỹ sẽ tiến hành khởi kiện theo quy định.

Điều 8. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro.

1. Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay và bảo lãnh các dự án bảo vệ môi trường.

2. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hàng năm nhưng tối thiểu bằng 0,2% (Không phải hai phần trăm) hoặc tính trên dư nợ cho vay hàng năm của Quỹ. Việc trích lập thực hiện mỗi năm một lần khi kết thúc năm tài chính.

3. Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp các khoản rủi ro của các dự án phát sinh do nguyên nhân bất khả kháng như: tổn thất do thiên tai, hoả hoạn; sau khi sử dụng tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (Nếu có) để giảm trừ tổn thất.

4. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Thẩm quyền xử lý rủi ro.

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay và khoan nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 3 tháng.

- UBND tỉnh quyết định xoá nợ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 9. Cấp phát, quản lý vốn.

1. Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định cấp vốn điều lệ cho Quỹ BVMT vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng thương mại.

2. Hàng quý, Sở Tài chính cấp kinh phí bổ sung theo quy định từ ngân sách tỉnh, chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng thương mại các khoản tiền bồi thường thiệt hại về môi trường, tiền phí bảo vệ môi trường, tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường do các tổ chức, cá

nhân nộp vào ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI CHO BỘ MÁY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 10. Nguồn thu của Quỹ.

Nguồn thu từ hoạt động nghiệp vụ, dịch vụ khác của Quỹ, gồm:

1. Thu lãi cho vay của các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.
2. Thu lãi tiền gửi của Quỹ gửi tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại.
3. Thu lãi từ hoạt động mua, bán Trái phiếu.
4. Các khoản thu phạt do các đối tượng sử dụng vốn của Quỹ vi phạm hợp đồng.
5. Thu nợ đã xoá nay thu hồi được.
6. Thu phí dịch vụ nhận uỷ thác theo hợp đồng uỷ thác.
7. Các khoản thu nghiệp vụ khác phát sinh trong quá trình hoạt động.

Điều 11. Chi hoạt động của Quỹ.

Chi phí của Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa là các khoản thực chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Mức chi, đối tượng chi được thực hiện theo quy định của pháp luật. Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, bao gồm:

1. Chi cho bộ máy quản lý Quỹ.
 - Chi tiền lương, phụ cấp lương theo chế độ lương của nhà nước.
 - Chi BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định.
 - Chi trang phục giao dịch, chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định.
 - Chi ăn ca, mức chi cho mỗi người một tháng căn cứ theo quy định của pháp luật.
 - Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, thành viên Ban Kiểm soát Quỹ; thuê chuyên gia.
 - Chi mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng.
 - Chi thanh toán các dịch vụ công cộng.
 - Chi thông tin tuyên truyền, quảng cáo, hợp báo, chi phí giao dịch, cước phí bưu chính, đối ngoại trong phạm vi kế hoạch tài chính được duyệt.
 - Chi hội nghị, hội thảo.
 - Chi công tác phí.
 - Chi thuê mướn (Phương tiện vận chuyển, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thuê lao động, chuyên gia trong và ngoài nước).
 - Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ.
 - Mua sắm, sửa chữa tài sản và các công trình hạ tầng.
 - Chi cho việc thanh tra, kiểm tra theo quy định.

- Các khoản chi khác theo quy định.
- 2. Chi hoạt động nghiệp vụ.
 - Chi phí huy động vốn.
 - Chi phí dịch vụ thanh toán.
 - Chi phí uỷ thác.
 - Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro.
 - Chi cho các hoạt động về thẩm định đầu tư, cho vay, tài trợ, thanh tra, kiểm tra, thu hồi nợ đối với các dự án đầu tư, chương trình có sử dụng vốn của Quỹ.
 - Chi cho hoạt động mua, bán Trái phiếu.
 - Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa.
 - Chi phí thu các khoản phạt theo quy định.
 - Các chi phí nghiệp vụ khác theo quy định.

Điều 12. Phân phối thu nhập và sử dụng các quỹ.

1. Phân phối thu nhập.

Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi, được phân phối như sau:

- Trích 10,0% (Mười phần trăm) vào Quỹ bổ sung vốn điều lệ.
- Trích 25,0% (Hai mươi lăm phần trăm) cho Quỹ đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp.

- Số còn lại phân phối như sau:

+ Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động, tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương, cấp bậc, chức vụ trong năm theo quy định.

+ Số còn lại trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập. Tỷ lệ trích lập từng quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ BVMT thống nhất, quyết định.

2. Mục đích sử dụng các quỹ:

- Quỹ bổ sung vốn điều lệ được dùng để tăng vốn điều lệ cho Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Quỹ đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp được sử dụng để đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc.

- Quỹ khen thưởng dùng để:

+ Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường xuyên cho cán bộ viên chức của Quỹ BVMT. Mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở hiệu suất lao động của mỗi cán bộ, viên chức làm việc tại Quỹ.

+ Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả. Mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định.

+ Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ BVMT có quan hệ, đóng góp vào hoạt động của Quỹ. Mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định.

- Quỹ phúc lợi dùng để:

+ Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị theo hợp đồng thỏa thuận.

+ Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

+ Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức của Quỹ.

+ Đóng góp cho Quỹ phúc lợi xã hội, chi các hoạt động phúc lợi khác.

Giám đốc Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Ban chấp hành công đoàn Quỹ để quản lý, sử dụng quỹ này.

Điều 13. Quản lý thu, chi tài chính của Quỹ.

1. Quỹ có các quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên theo quy định của Chính phủ và của Bộ Tài chính.

2. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ Quỹ, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định ban hành để làm căn cứ điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Các khoản thu, chi của Quỹ được hạch toán theo danh mục các khoản thu, chi nêu trên, trên cơ sở các chứng từ hợp lý, hợp lệ.

4. Quỹ có trách nhiệm thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu phát sinh trong quá trình hoạt động vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng hoặc Kho bạc để quản lý theo quy định.

Chương V CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, BÁO CÁO

Điều 14. Chế độ kế toán.

Bộ phận kế toán Quỹ phải mở sổ kế toán ghi chép, theo dõi, hạch toán kế toán các khoản thu, chi của Quỹ; bảo đảm mọi khoản thu, chi theo dự toán được duyệt, có chứng từ hợp pháp, hợp lệ; cuối năm tổ chức lập báo cáo quyết toán tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 15. Chế độ báo cáo.

1. Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách của Quỹ được lập theo quy định của pháp luật, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo.

2. Quỹ thực hiện công bố, công khai kết quả hoạt động, tài sản, vốn, công nợ của Quỹ hàng năm theo quy định của nhà nước.

3. Định kỳ (Quý, năm) Quỹ BVMT tỉnh lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính.

- Báo cáo quý được gửi chậm nhất vào ngày 25 của tháng đầu quý sau.

- Báo cáo quyết toán năm được gửi chậm nhất vào ngày 15 tháng 2 năm sau để Sở Tài chính xem xét, thẩm định và phê duyệt.

4. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Lập kế hoạch tài chính.

Hàng năm, Quỹ BVMT tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm lập và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính các kế hoạch sau:

1. Kế hoạch vốn hàng năm bao gồm: Vốn điều lệ ngân sách nhà nước cấp bổ sung; vốn ngân sách nhà nước cấp cho các mục tiêu theo quy định; vốn thu hồi nợ; vốn huy động khác.

2. Kế hoạch sử dụng vốn bao gồm: kế hoạch cho vay với lãi suất ưu đãi; kế hoạch hỗ trợ lãi suất; kế hoạch tài trợ không hoàn lại.

3. Kế hoạch thu, chi tài chính.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Quỹ.

Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về sử dụng có hiệu quả, bảo đảm an toàn và phát triển vốn của nhà nước, vốn huy động của các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình hoạt động theo mục tiêu hoạt động của Quỹ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền